

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2015



NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.577.434.995	120.742.236.755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.166.884.031	40.534.586.598
1. Tiền	111		11.872.819.246	3.402.476.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.294.064.785	37.132.110.554
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.800.000.000	47.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	38.800.000.000	47.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.785.272.386	15.641.540.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	13.175.574.274	4.475.881.198
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.822.406.664	8.283.235.156
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.435.056.054	4.530.188.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.647.764.606)	(1.647.764.606)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	17.772.174.229	13.130.589.636
Hàng tồn kho	141		17.772.174.229	13.130.589.636
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.053.104.349	3.835.520.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	930.823.308	29.379.998
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.033.631.308	3.722.315.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33.205.651	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	55.444.082	83.825.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		248.841.071.987	236.184.769.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		188.583.253.516	210.488.370.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	188.255.151.591	209.984.267.764
<i>Nguyên giá</i>	222		572.821.942.306	569.719.162.202
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(384.566.790.715)	(359.734.894.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	328.101.925	504.103.214
<i>Nguyên giá</i>	228		3.440.946.666	3.215.946.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.112.844.741)	(2.711.843.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.318.961.285	24.182.230.503
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	25.318.961.285	24.182.230.503
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		34.930.527.186	1.505.838.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	34.798.871.377	1.366.959.458
2. Tài sản dài hạn khác	268		131.655.809	138.878.880
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		365.418.506.982	356.927.006.574

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu 2015.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		168.659.061.051	153.426.581.408
I. Nợ ngắn hạn	310		134.992.598.065	122.072.029.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	50.194.846.126	25.444.285.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	4.422.156.827	2.075.082.766
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	9.452.257.163	12.731.549.768
4. Phải trả người lao động	314		7.255.558.002	12.698.705.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	22.025.794.140	25.640.202.261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	38.330.784.932	37.532.972.027
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	681.924.174	3.123.786.161
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.20	2.629.276.701	2.825.445.555
II. Nợ dài hạn	330		33.666.462.986	31.354.551.473
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.21	23.464.481.354	21.152.569.841
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	10.201.981.632	10.201.981.632
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		196.759.445.931	203.500.425.166
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	196.759.445.931	203.500.425.166
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		130.000.000.000	130.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.992.092.191	46.441.673.683
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		14.767.353.740	27.058.751.483
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		1.730.953.020	27.058.751.483
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		13.036.400.720	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		365.418.506.982	356.927.006.574

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2015



LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc

LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chi, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 9 tháng đầu 2015.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 QUÝ 3 NĂM 2015

Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3			Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015				
01	VL1	218.273.735.444	198.452.648.622	632.468.008.480	586.407.810.985			
02		40.083.550	63.844.385	140.800.091	249.893.476			
10		218.233.651.894	198.388.804.237	632.327.208.389	586.157.917.509			
11	VL2	192.741.984.355	184.967.734.666	595.965.282.653	550.380.196.077			
20		25.491.667.539	13.421.069.571	36.361.925.736	35.777.721.432			
21	VL3	572.243.597	580.332.020	2.203.895.557	2.327.823.332			
22	VL4	325.754.574	414.252.297	1.028.418.506	1.284.588.982			
23		323.754.574	414.252.297	1.028.418.506	1.284.588.982			
25	VL5	2.704.191.516	2.259.010.106	7.255.292.632	6.846.346.864			
26	VL6	5.110.981.007	4.781.896.217	15.064.979.576	14.963.452.148			
30		17.922.984.039	6.546.242.971	15.217.130.579	15.011.156.770			
31		665.950.265	991.855.616	1.421.792.736	5.067.781.518			
32		(1.578.662.343)	665.338.516	71.764.862	3.388.607.679			
40	VL7	2.244.612.608	326.517.100	1.350.027.874	1.679.173.839			
50		20.167.596.647	6.872.760.071	16.567.158.453	16.690.330.609			
51	VL8	3.530.757.733	1.392.266.324	3.530.757.733	3.449.350.309			
52		-	-	-	-			
60		16.636.838.914	5.480.493.747	13.036.400.720	13.240.980.300			
70	VL9	1.280	422	1.003	1.019			
71		-	-	-	-			

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị tính: VND
 LŨY KẾ ĐẾN QUÝ 3

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2015



LÊ TRỌNG HIỂU
 Giám đốc

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 9 tháng đầu năm 2015

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND
 09 tháng đầu năm

CHỈ TIÊU	Mã số	09 tháng đầu năm 2015	09 tháng đầu năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.567.158.453	16.690.330.609
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	27.675.932.305	29.033.821.558
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.780.162.369)	(3.030.786.837)
- Chi phí lãi vay	06	1.028.418.506	1.284.588.982
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	08	43.491.346.895	43.977.954.312
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16.754.971.497)	(6.653.151.521)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.641.584.593)	1.630.483.305
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
- thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	33.829.151.831	22.806.633.832
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(34.333.355.229)	818.965.503
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.028.418.506)	(1.284.588.982)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.329.690.765)	(8.283.711.440)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	1.914.234.523	805.347.489
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.467.463.518)	(4.864.352.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.679.249.141	48.953.580.108
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài			
- sản dài hạn khác	21	(20.676.357.772)	(22.883.513.703)
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.194.210.550)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.800.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.506.217.221	2.821.707.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.370.140.551)	(27.256.016.746)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.441.861.987)	(2.206.783.949)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.234.949.170)	(16.723.194.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.676.811.157)	(18.929.978.929)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.367.702.567)	2.767.584.433
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.534.586.598	35.690.048.647
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	23.166.884.031	38.457.633.080

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2015



LÊ TRỌNG HIẾU
 Giám đốc

[Signature]

LẠI THỊ THU
 Kế toán trưởng

[Signature]

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

MẪU B 09-DN

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;

Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);

Xây dựng công trình cấp nước;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

Lập dự án;

Thẩm tra thiết kế;

Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;

Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;

Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;

Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. **Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 là 417 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 395 người) chưa bao gồm lao động thời vụ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2015 thuộc năm tài chính thứ 09 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Master.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản tài sản dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán nước sạch.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Khoản phải thu về lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công nợ được trích lập dự phòng theo hướng dẫn theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	03 - 06
Phương tiện truyền dẫn	05 - 10

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện toàn bộ chi phí cần thiết liên quan đến việc đầu tư, xây dựng, cải tạo ống mương, phát triển mạng lưới phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty chưa hoàn hành tại thời điểm lập Báo cáo

10. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác..... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, đã đưa vào sử dụng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

- Công ty trích lập vốn khác và các quỹ (quỹ khen thưởng, phúc lợi) từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tiền mặt	31.104.834	31.520.580
Tiền gửi ngân hàng	11.294.064.785	3.370.955.464
Các khoản tương đương tiền (*)	11.841.714.412	37.132.110.554
Cộng	23.166.884.031	40.534.586.598

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lãi suất 5% đến 5,5%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Đầu tư đáo hạn đến ngày nắm giữ**

Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.800.000.000	47.600.000.000
Cộng	38.800.000.000	47.600.000.000

(*) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 6,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lãi suất từ 7% đến 9,5%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước khác	13.175.574.274	4.475.881.198
Cộng	13.175.574.274	4.475.881.198

4. Trả trước người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Công nợ với bên liên quan	487.389.483	509.716.595
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	487.389.483	509.716.595
Công nợ với nhà cung cấp khác	14.335.017.181	7.773.518.561
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.447.838.066
CN Công ty CP TVĐT&TKXD VNam (Công ty TNHH TVTKXD MNam)	139.755.601	289.902.299
CN Tổng Công ty Cơ Điện-XDNN	348.040.000	348.040.000
Công ty CP Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	42.842.836	334.262.267
Công ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty CP Đầu tư Vạn Phúc Hưng	491.261.854	491.261.854
Công ty TNHH Đan Vĩ	-	1.000.778.585
Công ty QL CTGT Sài Gòn	2.660.543.787	2.202.473.127
Công ty CP Xây dựng số 5	4.192.645.112	-
Nhà cung cấp khác	4.034.423.785	848.140.543
Cộng	14.822.406.664	8.283.235.156

5. Phải thu ngắn hạn khác

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.918.765.106	2.872.765.106
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	1.478.396.356	1.310.987.218
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	302.321.664
Phải thu khác	37.894.592	44.114.649
Cộng	4.435.056.054	4.530.188.637

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng các khoản nợ từ trên 1 năm đến 3 năm	1.647.764.606	1.647.764.606
Cộng	1.647.764.606	1.647.764.606

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu	17.772.174.229	10.997.996.081
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	2.132.593.555
Cộng	17.772.174.229	13.130.589.636
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	17.772.174.229	13.130.589.636

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 30/09/2015
Chi phí công cụ dụng cụ	-	650.141.954	468.118.646	182.023.308
Phần mềm diệt virus	29.379.998	-	29.379.998	-
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	2.836.800.000	2.088.000.000	748.800.000
Cộng	29.379.998	3.486.941.954	2.585.498.644	930.823.308

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tạm ứng	55.444.082	83.825.000
Cộng	55.444.082	83.825.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN
Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
9 tháng đầu năm 2015

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Tại ngày 01/01/2015	2.015.263.000	1.531.852.486	554.226.268.897	11.945.777.819	569.719.162.202
2. Tăng trong kỳ	-	59.200.000	6.158.030.991	428.099.000	6.645.329.991
<i>Mua sắm mới</i>	-	59.200.000	-	428.099.000	487.299.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	-	-	6.158.030.991	-	6.158.030.991
<i>Tăng theo quyết toán</i>	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	1.776.689.000	-	1.765.860.887	-	3.542.549.887
<i>Thanh lý</i>	1.776.689.000	-	-	-	1.776.689.000
<i>Giảm nguyên giá theo quyết toán công trình</i>	-	-	1.085.696.777	-	1.085.696.777
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	680.164.110	-	680.164.110
4. Tại ngày 30/09/2015	238.574.000	1.591.052.486	558.618.439.001	12.373.876.819	572.821.942.306
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Tại ngày 01/01/2015	1.561.918.327	1.427.193.594	350.898.320.093	5.847.462.424	359.734.894.438
2. Tăng trong kỳ	29.611.485	32.765.182	25.733.130.950	1.479.423.399	27.274.931.016
3. Giảm trong kỳ	1.352.955.812	-	1.090.078.927	-	2.443.034.739
<i>Thanh lý</i>	1.352.955.812	-	-	-	1.352.955.812
<i>Bồi thường di dời</i>	-	-	1.090.078.927	-	1.090.078.927
4. Tại ngày 30/09/2015	238.574.000	1.459.958.776	375.541.372.116	7.326.885.823	384.566.790.715
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày 01/01/2015	453.344.673	104.658.892	203.327.948.804	6.098.315.395	209.984.267.764
2. Tại ngày 30/09/2015	-	131.093.710	183.077.066.885	5.046.990.996	188.255.151.591

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá		
1. Tại ngày 01/01/2015	3.215.946.666	3.215.946.666
2. Tăng trong kỳ	225.000.000	225.000.000
<i>Do mua sắm</i>	<i>225.000.000</i>	<i>225.000.000</i>
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2015	3.440.946.666	3.440.946.666
II. Hao mòn lũy kế		
1. Tại ngày 01/01/2015	2.711.843.452	2.711.843.452
2. Tăng trong kỳ	401.001.289	401.001.289
3. Giảm trong kỳ	-	-
4. Tại ngày 30/09/2015	3.112.844.741	3.112.844.741
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày 01/01/2015	504.103.214	504.103.214
2. Tại ngày 30/09/2015	328.101.925	328.101.925

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Giảm khác	Tại ngày 30/09/2015
Cộng	24.182.230.503	15.802.652.753	4.578.399.514	1.976.501.628	8.111.020.829	25.318.961.285

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Tại ngày 30/09/2015
Chi phí sửa chữa văn phòng, kho	1.121.625.399	526.319.962	490.245.436	1.157.699.925
Chi phí CTOM		7.974.950.680	2.658.316.893	5.316.633.787
Chi phí gắn ĐHN theo NĐ 117		25.353.653.546	8.451.217.848	16.902.435.698
Chi phí thay ĐHN định kỳ		16.949.152.409	5.649.717.470	11.299.434.939
Chi phí khấu hao TSCĐ nhận bàn giao từ Tổng công ty cấp nước Sài Gòn từ các năm trước	245.334.059	-	122.667.030	122.667.029
Cộng	1.366.959.458	50.804.076.597	17.372.164.677	34.798.871.377

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Công nợ với bên liên quan	46.093.246.210	22.130.004.005
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	46.093.246.210	22.130.004.005
Công nợ với nhà cung cấp khác	4.101.599.916	3.314.281.607
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	167.923.819	2.202.070.836
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	251.612.154	251.612.154
Công ty TNHH Ống gang cầu Đài Việt	-	136.510.000
Nhà cung cấp khác	3.682.063.943	724.088.617
Cộng	50.194.846.126	25.444.285.612

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công nợ với bên liên quan	49.999.839	49.999.839
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	49.999.839	49.999.839
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	-	-
Công nợ với khách hàng khác	4.372.156.988	2.025.082.927
Truy thu tiền thất thoát nước	744.563.952	1.079.770.175
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngành	84.872.270	62.872.270
Ban Quản Lý Dự Án Cải tạo Kênh Ba Bò	610.065.610	610.065.610
Các khách hàng khác	2.932.655.156	272.374.872
Cộng	4.422.156.827	2.075.082.766

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/09/2015
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	22.812.689	22.812.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	5.547.999.134	3.530.757.733	7.329.690.765	1.749.066.102
Thuế thu nhập cá nhân	855.838	1.165.906.302	1.199.967.791	(33.205.651)
Các loại thuế khác	7.182.694.796	60.448.994.252	59.928.497.987	7.703.191.061
- Thuế bảo vệ môi trường	7.182.694.796	60.436.825.252	59.916.328.987	7.703.191.061
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác	-	9.169.000	9.169.000	-
Cộng	12.731.549.768	65.168.470.976	68.480.969.232	9.419.051.512

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng
 - + Cung cấp nước : 5 %
 - + Lắp đặt, di dời đồng hồ và các dịch vụ khác : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem thuyết minh số VI.8
- **Các khoản thuế khác**
Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	7.972.492.145	13.413.099.885
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	14.053.301.995	-
Trích trước chi phí tái lập mặt đường	-	8.824.390.662
Thù lao Hội đồng quản trị	-	108.000.000
Chi phí đầu tư ống cái phát triển ống cái cấp 3 không hoàn lại	-	2.902.886.008
Chi phí dự án di dời DD01/13	-	391.825.706
Cộng	22.025.794.140	25.640.202.261

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	6.867.406	4.047.944
Bảo hiểm thất nghiệp	17.358	-
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.828.129.677	1.766.117.380
Phải trả khác Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	12.726.556.691	13.229.536.477
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	180.164.543	9.271.802
Cổ tức phải trả cho cổ đông	969.193.808	904.142.978
Nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng:	21.619.855.449	21.619.855.446
<i>Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận 6</i>	<i>21.602.479.000</i>	<i>21.602.479.000</i>
Các khoản phải trả khác	17.376.449	17.376.446
Cộng	38.330.784.932	37.532.972.027

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2015	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Tại ngày 30/09/2015
Nợ dài hạn đến hạn trả				
<i>Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn</i>	3.123.786.161	-	2.441.861.987	681.924.174
Cộng	3.123.786.161	-	2.441.861.987	681.924.174

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong kỳ	Tăng khác	Tại ngày 30/09/2015
Quỹ khen thưởng	1.965.176.420	2.434.391.091	2.580.720.000	45.730.000	1.864.577.511
Quỹ phúc lợi	860.269.135	2.434.391.091	2.530.261.036	300.000	764.699.190
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	-	608.597.773	608.597.773	-	-
Cộng	2.825.445.555	5.477.379.955	5.719.578.809	46.030.000	2.629.276.701

21. Phải trả dài hạn khác

Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản vốn ứng để gắn đồng hồ nước của khách hàng theo các hợp đồng phát triển ống cái cấp 3 thời hạn hoàn trả trong 10 năm.

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Vay dài hạn - Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.	10.883.905.806	13.325.767.793
Nợ dài hạn đến hạn trả	(681.924.174)	(3.123.786.161)
Cộng	10.201.981.632	10.201.981.632

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với mục đích đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, thời hạn vay là 10 và được đảm bảo bằng tài sản tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, chi tiết nợ vay như sau:

Hợp đồng vay	Tại ngày 01/01/2015	Vay trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Nợ vay đến hạn trả	Tại ngày 30/09/2015
Hợp đồng 4198/HĐVV ngày 24 tháng 08 năm 2007	10.542.111	-	10.542.111	-	-
Hợp đồng 4371/HĐVV ngày 05 tháng 09 năm 2007	274.403.191	-	262.497.000	-	11.906.191
Hợp đồng 1389/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	158.768.927	-	158.768.927	-	-
Hợp đồng 1390/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	193.190.616	-	138.900.000	-	54.290.616
Hợp đồng 1388/HĐVV ngày 03 tháng 04 năm 2008	1.600.297.823	-	474.000.000	-	1.126.297.823
Hợp đồng 4742/HĐVV ngày 11 tháng 11 năm 2009	239.049.649	-	58.820.415	-	180.229.234
Hợp đồng 2363/HĐVV ngày 05 tháng 08 năm 2010	69.602.099	-	9.078.534	-	60.523.565
Hợp đồng 3703/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	2.134.438.460	-	212.961.000	-	1.921.477.460
Hợp đồng 3710/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.357.913.471	-	436.644.000	-	3.921.269.471
Hợp đồng 3702/HĐVV ngày 26 tháng 11 năm 2012	4.287.561.446	-	679.650.000	-	3.607.911.446
Cộng	13.325.767.793	-	2.441.861.987	-	10.883.905.806

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

23. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	130.000.000.000	33.529.540.517	37.666.737.661	201.196.278.178
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	24.273.096.301	24.273.096.301
Trích lập quỹ ĐTPT và DPTC	-	12.912.133.166	(12.912.133.166)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.068.949.313)	(5.068.949.313)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(16.900.000.000)	(16.900.000.000)
Tại ngày 01/01/2015	130.000.000.000	46.441.673.683	27.058.751.483	203.500.425.166
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	13.036.400.720	13.036.400.720
Trích lập quỹ ĐTPT và DPTC	-	5.550.418.508	(5.550.418.508)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.477.379.955)	(5.477.379.955)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(14.300.000.000)	(14.300.000.000)
Tại ngày 30/09/2015	130.000.000.000	51.992.092.191	14.767.353.740	196.759.445.931

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước	66.304.000.000	66.304.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	63.696.000.000	63.696.000.000
<i>Ngân hàng Thương Mại CP Phương Nam</i>	<i>14.200.000.000</i>	<i>14.200.000.000</i>
<i>Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM</i>	<i>3.005.000.000</i>	<i>3.005.000.000</i>
<i>Công ty CP địa Ốc Chợ Lớn</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương Mại CP Đông Á</i>	<i>2.766.520.000</i>	<i>2.766.520.000</i>
<i>Cổ đông khác</i>	<i>40.724.480.000</i>	<i>40.724.480.000</i>
Cộng	130.000.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Doanh thu thuần cung cấp nước	619.519.438.280	576.674.695.498
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.807.770.109	9.483.222.011
Cộng	632.327.208.389	586.157.917.509

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	589.562.425.829	544.205.302.710
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.402.856.824	6.174.893.367
Cộng	595.965.282.653	550.380.196.077

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết giá vốn theo yếu tố :

Giá vốn theo yếu tố kinh doanh nước sạch

Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	478.590.609.885	414.858.269.732
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	37.463.075.930	20.755.753.350
Chi phí nhân công	40.723.170.276	40.049.591.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.109.099.485	27.820.869.934
Chi phí thuê tài sản hoạt động	3.643.276.705	3.643.276.706
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	(5.326.914.163)	10.279.528.722
Chi phí chống thất thoát nước	1.295.397.486	935.868.068
Chi phí cải tạo ống mục	3.239.467.922	21.018.847.488
Chi phí sửa bể	634.594.709	979.389.534
Chi phí khác	1.058.054.039	740.890.637

Tổng chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	587.429.832.274	541.082.285.610
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ	2.132.593.555	3.123.017.100

Giá vốn cung cấp nước

	589.562.425.829	544.205.302.710
--	------------------------	------------------------

Giá vốn cung cấp dịch vụ

Chi phí nguyên vật liệu	-	-
Chi phí khác _ nhân công tái lập mặt đường Thuê ngoài	5.116.087.328	3.619.951.101
	1.286.769.496	2.554.942.266
Tổng chi phí sản xuất	6.402.856.824	6.174.893.367

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

Giá vốn dịch vụ	6.402.856.824	6.174.893.367
------------------------	----------------------	----------------------

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.113.942.768	2.251.133.618
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	89.670.489	76.360.364
Cổ tức, lợi nhuận được chia	282.300	329.350
Cộng	2.203.895.557	2.327.823.332

4. Chi phí tài chính

Lãi vay	1.028.418.506	1.284.588.982
Cộng	1.028.418.506	1.284.588.982

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	5.608.485.170	5.487.633.912
Chi phí công cụ, dụng cụ	133.952.122	77.570.933
Chi phí khấu hao	309.202.737	288.786.206
Chi phí bằng tiền khác	1.203.652.603	992.355.813
Cộng	7.255.292.632	6.846.346.864

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên	9.711.636.495	9.413.263.011
Chi phí vật liệu quản lý	63.588.173	236.376.284
Chi phí đồ dùng văn phòng	274.496.522	
Chi phí khấu hao	970.382.296	1.046.832.448
Thuế, phí và lệ phí	49.642.269	116.022.911
Chi phí dự phòng giảm giá	199.423.983	
Chi phí bằng tiền khác	3.795.809.838	4.150.957.494
Cộng	15.064.979.576	14.963.452.148

7. Lãi thuần từ hoạt động khác

Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	185.454.564	12.181.818
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	986.691.713	4.275.452.844
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	-	713.933.309
Thu nhập khác	249.646.459	66.213.547
Cộng	1.421.792.736	5.067.781.518
Chi phí hồ sơ mời thầu	18.840.689	22.720.047
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	423.733.188	
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	(1.237.864.388)	3.316.089.239
Nộp chậm thuế	536.360.928	
Chi phí bồi thường, di dời	325.510.205	
Chi phí khác	5.184.240	49.798.393
Cộng	71.764.862	3.388.607.679
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.350.027.874	1.679.173.839

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.567.158.453	16.690.330.609
- Số lỗ hoạt động kinh doanh nước sạch từ T01 đến T06 được chuyển sang kỳ này tính thuế	(8.568.171.780)	
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	16.205.153.523	12.760.121.250
- Số lãi hoạt động kinh doanh khác từ T01 đến T06 được chuyển sang kỳ này tính thuế	4.967.733.586	
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	3.962.443.124	3.930.209.359
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế:		163.400.000
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	75%	
Lợi nhuận tính thuế	16.567.158.453	16.853.730.609
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi (kỳ này 20% - kỳ trước 20%)	5.700.856.313	12.923.521.250
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi (kỳ này 22% - kỳ trước 22%)	1.936.125.430	
- Đối với hoạt động kinh doanh khác (kỳ này 22%, kỳ trước 22%)	8.930.176.710	3.930.209.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.530.757.733	3.449.350.309

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, do đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.036.400.720	13.240.980.300
Trừ số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.036.400.720	13.240.980.300
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.003	1.019

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	521.705.028.418	451.862.301.353
Chi phí nhân công	56.043.291.941	45.869.754.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.388.684.518	29.156.488.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.015.956.430	45.301.450.604
Cộng	616.152.961.307	572.189.995.089

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Cổ tức chưa thanh toán	969.193.808	921.435.728

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	286.649.442	493.884.175

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty CP cấp nước Bến Thành
Công ty TNHH MTV cấp nước Tân Hòa
Chi nhánh cấp nước Trung An
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh
Công ty CP Cơ khí Công trình Cấp nước
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>9 tháng đầu năm 2015</u>	<u>9 tháng đầu năm 2014</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	478.590.609.885	434.513.847.433
Mua vật tư	32.973.312.840	
Thuê tài sản hoạt động	3.643.276.705	3.643.276.706
Lãi vay phải trả	1.028.418.506	1.284.588.982
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	-	85.118.864
Phải thu do chi hộ	152.951.440	2.700.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	13.875.531
	<hr/>	<hr/>
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	20.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	-	36.260.121
	<hr/>	<hr/>
	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Phải trả phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	73.006.660	336.888.308
	<hr/>	<hr/>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2015	Tại ngày 01/01/2015
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	-	118.106.686
Phải thu các khoản chi hộ	2.918.765.106	2.872.765.106
Phải trả thương mại	(46.093.246.210)	(22.130.004.005)
Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB, gia công đồng hồ nước	(12.726.556.691)	(13.229.536.477)
Phải trả tiền ứng trước dịch vụ	-	-
Phải trả tiền vay	(10.883.905.806)	(13.325.767.793)
Công ty Công trình giao Thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(68.000.000)	(68.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	(49.999.839)	(72.874.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	487.389.483	509.716.595

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	9 tháng đầu năm 2015	9 tháng đầu năm 2014
Tiền lương	1.170.479.206	1.451.066.085
Các khoản bảo hiểm phải trả	19.889.946	31.059.324
Cộng	888.364.312	1.482.125.409

2. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (thành phố Hồ Chí Minh).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại các Thuyết minh số V.19 và V.22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ đầu tư (bao gồm vốn đầu tư chủ sở hữu và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Tại ngày</u> <u>30/09/2015</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2015</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.166.884.031	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	38.800.000.000	47.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.850.206.847	2.828.116.592
Phải thu ngắn hạn khác	2.596.367.927	3.175.086.770
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	8.330.000	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	131.655.809	138.878.880
Cộng	<u>76.553.444.614</u>	<u>94.284.998.840</u>
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	10.883.905.806	13.325.767.793
Phải trả người bán ngắn hạn	50.194.846.126	25.444.285.612
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.025.794.140	25.640.202.261
Phải trả ngắn hạn khác	60.656.399.620	57.785.455.590
Cộng	<u>143.760.945.692</u>	<u>122.195.711.256</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty không nhiều và được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2015				
Vay và nợ	2.561.068.739	6.810.790.131	1.512.046.936	10.883.905.806
Phải trả người bán ngắn hạn	50.194.846.126	-	-	50.194.846.126
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.025.794.140	-	-	22.025.794.140
Phải trả ngắn hạn khác	37.191.918.266	23.464.481.354	-	60.656.399.620
Cộng	111.973.627.271	30.275.271.485	1.512.046.936	143.760.945.692
Tại ngày 30/09/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.166.884.031	-	-	23.166.884.031
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	38.800.000.000	-	-	38.800.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.850.206.847	-	-	11.850.206.847
Phải thu ngắn hạn khác	2.596.367.927	-	-	2.596.367.927
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	-	131.655.809	-	131.655.809
Cộng	76.413.458.805	139.985.809	-	76.553.444.614
Chênh lệch thanh khoản thuần	35.560.168.466	30.135.285.676	1.512.046.936	67.207.501.078
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	23.166.884.031	-	-	23.166.884.031
Phải trả người bán ngắn hạn	38.800.000.000	-	-	38.800.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.850.206.847	-	-	11.850.206.847
Phải trả ngắn hạn khác	2.596.367.927	-	-	2.596.367.927
Cộng	90.841.159.783	8.031.251.162	2.170.730.470	122.195.711.256
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.586.598	-	-	40.534.586.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	47.600.000.000	-	-	47.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.828.116.592	-	-	2.828.116.592
Phải thu ngắn hạn khác	3.175.086.770	-	-	3.175.086.770
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	-	8.330.000	-	8.330.000
Tài sản dài hạn khác	-	138.878.880	-	138.878.880
Cộng	94.137.789.960	147.208.880	-	94.284.998.840

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)


	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.296.630.177)	7.884.042.282	2.170.730.470	27.910.712.416


Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.


4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2015


LÊ TRỌNG HIẾU
Giám đốc


LẠI THỊ THU
Kế toán trưởng


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ III NĂM 2015

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 3 năm 2015 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 3 năm 2015 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng (nước)	212.898.626.522	194.887.490.529	18.011.135.993	109,24%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.335.025.372	3.501.313.708	1.833.711.664	152,37%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.233.651.894	198.388.804.237	19.844.847.657	110,00%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng quý 3 năm 2015 tăng so với quý 3 năm 2014 là 19.844.847.657 đồng, tỷ lệ tăng 110% do:

- Sản lượng nước cung cấp quý 3 năm 2015 tăng so với quý 3 năm 2014 là 2.035.924 m³, tỷ lệ tăng 110%
- Mặc dù sản lượng tăng nhưng giá bán bình quân quý 3 năm 2015 lại giảm so với quý 3 năm 2014 là 49 đồng/m³, tỷ lệ giảm 0,54%.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tăng 1.833.711.664 đồng, tỷ lệ tăng 152,37% do quý 3 năm 2015 phát sinh doanh thu bán đồng hồ nước phế thải

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	188.878.541.976	182.502.107.886	6.376.434.090	103,49%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	3.863.442.379	2.465.626.780	1.397.815.599	156,69%
Cộng	192.741.984.355	184.967.734.666	7.774.249.689	104,20%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý II năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	171.384.734.376	138.526.025.296	32.858.709.080	123,72%
Chi phí nguyên vật liệu khác	9.645.017.479	9.343.379.326	301.638.153	103,23%
Chi phí nhân công	13.628.901.415	12.644.469.644	984.431.771	107,79%
Chi phí khấu hao tài sản	8.930.890.622	8.963.913.123	(33.022.501)	99,63%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	1.214.425.568	1.214.425.568	-	100,00%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	(19.626.270.367)	2.548.826.413	(22.175.096.780)	-770,01%
Chi phí chống thất thoát nước	460.939.551	242.813.647	218.125.904	189,83%
Chi phí cải tạo ống mục	2.679.603.444	8.355.027.441	(5.675.423.997)	32,07%
Chi phí sửa bể	87.808.352	302.123.900	(214.315.548)	29,06%
Chi phí khác	472.491.536	361.103.529	111.388.007	130,85%
Tổng chi phí sản xuất	188.878.541.976	182.502.107.887	6.376.434.089	103,49%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	188.878.541.976	182.502.107.887	6.376.434.089	103,49%

b. Thuyết minh

Giá vốn cung cấp trong quý 3 năm 2015 so với quý 3 năm 2014 tăng 6.376.434.089 đồng, tỷ lệ tăng 103,49% do :

- Sản lượng nước mua sỉ quý 3 năm 2015 tăng so với quý 3 năm 2014 là 11.581.103 m³, tỷ lệ tăng 154,71% (quý 3 năm 2015, Tổng Công ty bán nước qua đồng hồ tổng)
- Chi phí mua sỉ nước sạch tăng 32.858.709.080 đồng, tỷ lệ tăng 123,72%
- Ngoài ra các chi phí khác của quý 3 năm 2015 giảm so với quý 3 năm 2014 là:



Chi phí gấn và thay ĐHN: Công ty đã phân bổ chi phí phát sinh từ T01 đến 06 năm 2015 trong 3 năm làm cho CP gấn và thay ĐHN quý 3 năm 2015 giảm so với quý 3 năm 2014 là 22.175.096.780 đồng.

Chi phí CTOM: công ty đã phân bổ chi phí trong 3 năm làm cho CP CTOM quý 3 năm 2015 giảm so với quý 3 năm 2014 là 5.675.423.997 đồng

4. Chi phí nhân công tăng 984.431.771 đồng, tỷ lệ tăng 107.79% do sản lượng nước tiêu thụ tăng 2.035.924 m3, tỷ lệ tăng 110%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	1.851.288.968	1.763.604.583	87.684.385	104,97%
Chi phí công cụ dụng cụ	78.875.576	48.715.700	30.159.876	161,91%
Chi phí khấu hao	109.322.451	99.940.143	9.382.308	109,39%
Dự Phòng phải thu khó đòi			-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	664.704.521	346.749.680	317.954.841	191,70%
Cộng	2.704.191.516	2.259.010.106	445.181.410	119,71%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 3 năm 2015 tăng so với quý 3 năm 2014 là 445.181.410 đồng, tỷ lệ tăng 119.71%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3.241.363.015	3.130.256.598	111.106.417	103,55%
Chi phí công cụ dụng cụ	127.360.916	71.542.834	55.818.082	-78,02%
Chi phí khấu hao	402.206.136	328.766.316	73.439.820	122,34%
Thuế, phí chuyên tiền	13.358.036	11.443.658	1.914.378	116,73%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	1.326.692.904	1.239.886.811	86.806.093	107,00%
Cộng	5.110.981.007	4.781.896.217	329.084.790	106,88%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 3 năm 2015 tăng so với quý 3 năm 2014 là 329.084.790 đồng, tỷ lệ tăng 106.88%.

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	155.454.561	5.454.546	150.000.015	2850,00%
Thu tiền KH đầu tư ổng cái	490.293.553	959.598.229	(469.304.676)	51,09%
Thu khác	20.202.151	26.802.841	(6.600.690)	75,37%
Cộng	665.950.265	991.855.616	(325.905.351)	67,14%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 3/2015 giảm so với quý 3/2014 là 325.905.351 đồng, tỷ lệ giảm 32.86%% do khách hàng đầu tư ổng cái không hoàn vốn giảm 469.304.676 đồng, tỷ lệ giảm 48.90%

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí thanh lý	17.135.089	-	17.135.089	
Đăng báo mời thầu		2.609.439	(2.609.439)	
Chi phí ổng cái do KH đầu tư không hoàn vốn	(1.595.797.432)	636.688.678	(2.232.486.110)	-250,64%
Khác	-	26.040.399	(26.040.399)	
Cộng	(1.578.662.343)	665.338.516	(2.244.000.859)	-237,27%

53021
CÔNG TY
SHAN
NƯỚC
LỚN
HỒ CHÍ

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 3/2015 giảm so với quý 3/2014 là 2.244.000.859 đồng do chi phí đầu tư ồng cái khách hàng không hoàn vốn giảm 2.232.486.110 đồng

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:

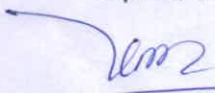
Chỉ tiêu	Quý III năm 2015	Quý III năm 2014	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	20.167.596.647	6.872.760.071	13.294.836.576	293,44%
Thuế TNDN	3.530.757.733	1.392.266.324	2.138.491.409	253,60%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.636.838.914	5.480.493.747	11.156.345.167	303,56%

b. Thuyết minh:

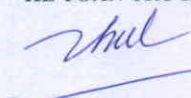
Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên thì với tốc độ tăng doanh thu là 110% cao hơn so với tốc độ tăng chi phí điều này làm cho lợi nhuận trước thuế của quý 3 năm 2015 tăng so với lợi nhuận trước thuế của quý 3 năm 2014 là 13.294.836.576 đồng, tỷ lệ tăng 293.44% và lợi nhuận sau thuế tăng 11.156.345.167 đồng, tỷ lệ tăng 303.56%

Quận 5, ngày 18 tháng 10 năm 2015

LẬP BIỂU


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG


LẠI THỊ THU

GIÁM ĐỐC




LÊ TRỌNG HIẾU